TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH** Bản án số 39/2022/HNGĐ-ST Ngày 16-6-2022 V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Đ M T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà T;

Ông T

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*:** Bà N T T H – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị N T H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Đông Hạ, xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh H V D, sinh năm 1985; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông Hạ, xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Anh H V D hiện đang làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - chị N T H trình bày ý kiến:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H V D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ cH V D chị chung sống được khoảng 03 năm thì anh H V D đi lao động tại Nga. Khoảng thời gian anh H V D lao động tại Nga rất ít liên lạc với chị H V D, không quan tâm đến chị H V D nên mỗi khi liên lạc vợ cH V D xảy ra nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2015 anh H V D về nước nhưng mâu thuẫn vợ cH V D vẫn căng thẳng, vợ cH V D không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân. Năm 2015 anh H V D về Việt Nam khoảng 01 tháng thì tiếp tục đi lao động tại Đức. Từ năm 2015 đến năm 2018 anh H V D lao động tại Đức không liên lạc gì với chị H V D. Cuối năm 2018 anh H V D gọi điện nói với chị H V D là không về Việt Nam nữa, đề nghị chị H V D giải quyết ly hôn. Chị H V D cố gắng níu kéo mong muốn anh H V D nghĩ lại nhưng anh H V D kiên quyết muốn ly hôn và không liên lạc với chị H V D nữa. Đến đầu năm 2022 anh H V D gọi điện về thăm con và nói không về Việt Nam nữa. Nay chị H V D xác định thời gian vợ cH V D sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ cH V D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H V D đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh H V D.

+Về con chung: Vợ cH V D chị có 01 con chung là Hoàng Nhật Minh, sinh ngày 03/3/2010. Hiện con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, con chung học tốt, điều kiện sống ổn định. Chị H V D lao động tự do nhưng thu nhập ổn định đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Chị H V D đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Chị và anh H V D tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về tài sản và nợ chung: Vợ cH V D chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thu thập lời khai của ông Hoàng Văn Thuận, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn Hạ, xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình: Ông Thuận trình bày chị H V D và anh H V D kết hôn năm 2008, sau khi kết hôn chị H V D, anh H V D chung sống cùng ông ở xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình. Năm 2011 anh H V D đi lao động tại Nga đến năm 2015 anh H V D về Việt Nam

khoảng 01 tháng rồi tiếp tục đi lao động tại Đức đến nay. Từ khi đi lao động tại Đức đến nay anh H V D chưa về Việt Nam. Ông Thuận biết giữa chị H V D và anh H V D có nhiều mâu thuẫn và không liệc lạc gì với nhau nhưng ông không biết nguyên nhân mâu thuẫn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn, anh H V D có điện thoại về cho ông nói rằng anh H V D không về Việt Nam, nhờ ông nhận các văn bản Tòa án gửi để thuận tiện việc H V D xin ly hôn. Chị H V D và anh H V D có 01 con chung là Hoàng Nhật Minh, sinh ngày 03/3/2010 hiện đang do chị H V D nuôi dưỡng. Anh H V D đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H V D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Thuận không nắm được về tài sản chung và nợ chung của chị H V D và anh H V D.

Đại diện VKSND tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tống đạt và niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị H V D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H V D vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H V D và anh H V D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của chị H V D phù hợp với lời khai của ông Thuận – bố đẻ anh H V D, xác định anh H V D đi nước ngoài từ năm 2011 đến nay chỉ về Việt Nam một lần H V D nhất vào năm 2015 với khoảng thời gian 01 tháng. Việc vợ cH V D anh chị sống ly thân, không liên lạc, không quan tâm đến nhau và anh H V D không về Việt Nam là thể hiện mâu thuẫn vợ cH V D chị đã căng thẳng, trầm trọng, không thể hàn gắn. Như vậy có H V D

trì hôn nhân cũng không thể mang lại hạnh phúc nên cần xử cho chị H V D ly hôn anh H V D là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H V D và anh H V D có 01 con chung là Hoàng Nhật Minh, sinh ngày 03/3/2010. Hiện nay con chung đang do chị H V D nuôi dưỡng, con chung được học tập đầy đủ, phát triển tốt. Anh H V D đang đi lao động tại nước ngoài, không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần giao con chung cho chị H V D nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con do chị H V D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H V D và anh H V D xác định vợ cH V D không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H V D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị N T H được ly hôn anh H V D.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị N T H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Nhật Minh, sinh ngày 03/3/2010. Việc cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra giải quyết.

Anh H V D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị N T H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị H V D nộp tại biên lai số 0005138 ngày 19/10/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Chị N T H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ; Anh H V D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ; .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh
- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình
- Đương sự,
- UBND xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình
- Lưu

Đ M T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA - PHIÊN TÒA**

Lại Đức Lợi **Hoàng Thị Thu Hiền** **Lương Hải Yến**